



THÔNG TIN CẦN LƯU Ý

I. CÁCH TÍNH ĐIỂM

1. Bài thi được chấm theo thang điểm 100.
2. Điểm các môn thi được tính như sau:
 - a) Môn kiến thức chung: tính hệ số 1;
 - b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: bài thi viết tính hệ số 2; bài thi trắc nghiệm tính hệ số 1;
 - c) Môn ngoại ngữ, môn tin học văn phòng: tính hệ số 1 và không tính vào tổng số điểm thi.
3. Kết quả thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn nghiệp vụ chuyên ngành tính theo quy định tại khoản 2 Mục này cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

II. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây: i) có đủ các bài thi của các môn thi; ii) có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên; iii) có kết quả thi tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.
2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở vị trí cần tuyển dụng, người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.
3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Phòng Tổng hợp, Vụ Tổ chức cán bộ - Phòng 410 nhà K - 16 Tông Đản - Hà Nội. Điện thoại: 024.38250614

th



Danh sách điểm của các Chi nhánh khu vực Đà Nẵng

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
I NHNN Chi nhánh Thành Phố Đà Nẵng (02 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	3006	Đào Thị Thùy Dung		01/01/1988	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá	x	55	70	76	84	95,5	20	291	Dự kiến trúng tuyển
2	3010	Lưu Thị Mỹ Hạnh		02/08/1987	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá	x	64	74	72	72	94	0	284	Dự kiến trúng tuyển
3	3016	Nguyễn Thanh Mai		11/9/1991	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi	x	58	63	76	88	96	20	280	
4	3042	Trần Viết Việt	06/01/1988		NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		64,5	68	72	76	90	0	272,5	
5	3005	Phan Thị Hoài Dung		15/06/1988	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá	x	64	67	72	80	95	0	270	
6	3015	Nguyễn Thị Liên		28/11/1987	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Giỏi	x	73	52	80	80	90	0	257	
7	3036	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		17/01/1995	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi		61,5	61	72	88	96	0	255,5	
8	3022	Võ Phạm Nhất Nguyên		30/5/1993	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế TP HCM	Khá		60	53	80	76	92	0	246	
9	3033	Lê Thị Kim Thoa		13/04/1986	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế TP HCM	Khá		58	60	68	72	94	0	246	
10	3034	Trịnh Thị Thanh Thủy		01/02/1992	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế TP HCM	Giỏi		53	57	76	80	90	0	243	
11	3032	Hoàng Anh Tuấn	23/08/1994		NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		64,5	52	72	80	96	0	240,5	
12	3001	Lê Thị Nguyệt Ánh		22/10/1993	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Xuất sắc		53	52	80	96	98	0	237	
13	3014	Phan Thị Thanh Lâm		11/04/1986	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi	x	52	58	68	80	Miễn	0	236	
14	3027	Hồ Thị Quyên		28/09/1992	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi		40	67	80	88	95	0	254	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
15	3041	Trần Thị Phương Uyên		24/12/1988	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		67	42	76	72	90	0	227	
16	3003	Ngô Huy Bảo	28/09/1988		NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi	x	62	41	76	88	98	0	220	
17	3029	Đỗ Hoàng Sa		10/11/1990	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi	x	51	45	72	80	92	0	213	
18	3009	Nguyễn Thị Ái Hà		15/11/1988	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Giỏi	x	55	45	64	80	98	0	209	
19	3020	Nguyễn Thị Tùng Nhi		09/5/1990	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Xuất sắc	x	59	35	76	80	96	0	205	
20	3004	Lê Thị Hoài Châu		22/11/1989	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá	x	26	55	68	76	94	0	204	
21	3021	Lê Thị Thanh Nga		27/09/1987	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá	x	50	37	80	60	88,5	0	204	
22	3007	Trương Uyên Giang		10/7/1988	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Giỏi	x	50	36	80	76	82,5	0	202	
23	3038	Huỳnh Thị Tố Trinh		12/11/1989	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế TP HCM	Khá		45,5	42	72	80	92	0	201,5	
24	3023	Phạm Thị Hồng Oanh		13/05/1985	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		50	40	60	76	Miễn	0	190	
25	3028	Lê Thương Quỳnh		04/10/1990	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Khá		50	34	68	68	90,5	0	186	
26	3012	Huỳnh Thị Thu Hồng		13/10/1988	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - luật	Khá		40	32	80	72	91	0	184	
27	3035	Lê Thị Lệ Thủy		13/01/1988	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		22,5	45	68	84	98	0	180,5	
28	3011	Nguyễn Lê Minh Hiếu	16/10/1987		NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		40	34	68	72	86	0	176	
29	3008	Vũ Thị Thùy Giang		15/06/1986	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		33	33	76	72	77	0	175	
30	3018	Nguyễn Lưu Trúc My		23/01/1995	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Xuất sắc		58	20	76	80	98	0	174	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
31	3019	Ngô Hà My		09/11/1991	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi		42	34	56	68	96	0	166	
32	3025	Đoàn Thị Mỹ Phượng		01/07/1989	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		15	1	48	60	41	20	85	
33	3002	Trần Ngọc Ánh		26/06/1991	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế TP HCM	Khá									Không dự thi
34	3013	Đỗ Tú Khanh		27/04/1994	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
35	3017	Bùi Thị Anh Minh		14/11/1991	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi									Không dự thi
36	3024	Trần Thị Kiều Oanh		20/01/1993	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
37	3026	Đoàn Thị Mỹ Phượng		19/08/1993	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
38	3030	Lê Thị Thanh Tâm		31/07/1985	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi									Không dự thi
39	3031	Trần Thị Minh Tú		14/7/1993	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi									Không dự thi
40	3037	Nguyễn Đình Trí	20/10/1995		NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
41	3039	Trần Hữu Trịnh	08/12/1991		NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
42	3040	Đinh Thị Thanh Trúc		12/3/1990	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Quy Nhơn	Khá	x								Không dự thi
43	3043	Lê Thị Thanh Xuân		22/12/1991	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Ngân hàng TP HCM	Khá									Không dự thi
44	3044	Nguyễn Thị Như Ý		11/11/1992	NHNN TP Đà Nẵng	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Xuất sắc									Không dự thi
II	NHNN Chi nhánh Quảng Bình (03 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																
1	3053	Cao Thị Diệu Hương		01/12/1991	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Xuất sắc		78,5	68	76	76	98	0	290,5	Dự kiến trúng tuyển

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+(13)+(16)$	
2	3055	Lưu Hà Thủy Linh		01/10/1993	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Khá		61,5	54	76	64	90	0	245,5	Dự kiến trúng tuyển
3	3062	Nguyễn Phương Thúy		08/01/1995	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Xuất sắc		54,5	53	84	84	98	0	244,5	Dự kiến trúng tuyển
4	3051	Đặng Thị Hoa Hồng		12/06/1994	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá		67	54	68	72	90	0	243	
5	3045	Mai Duy Anh	22/06/1995		NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi		50	53	80	68	90	0	236	
6	3057	Phạm Văn Mão	08/07/1987		NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Xuất sắc	x	39,5	60	72	72	78	0	231,5	
7	3058	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		12/06/1993	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá		50,5	40	72	76	94	20	222,5	
8	3048	Trương Thị Mỹ Hạnh		16/04/1993	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH RMIT	Khá		50,5	45	68	76	Miễn	0	208,5	
9	3054	Lê Diệu Linh		07/10/1987	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân HN	Khá	x	29	45	72	80	92	0	191	
10	3065	Nguyễn Thị Xinh		25/06/1987	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	Học viện Ngân hàng	Khá		52	25	64	60	90	20	186	
11	3050	Mai Thục Hiền		08/02/1994	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		26	0	56	72	95	0	82	
12	3046	Hà Tuấn Anh	02/05/1993		NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh doanh công nghệ HN	Khá									Không dự thi
13	3047	Cao Hoàng Ngọc Hà		13/02/1994	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	Học viện tài chính	Giỏi									Không dự thi
14	3049	Đào Thị Hảo		10/03/1994	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá									Không dự thi
15	3052	Trần Mạnh Hùng	20/12/1991		NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	Học viện Tài chính	Khá	x								Không dự thi
16	3056	Nguyễn Hồng Loan		26/07/1994	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Xuất sắc									Không dự thi
17	3059	Trần Châu Bích Ngọc		26/12/1989	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
18	3060	Nguyễn Thủy Phương		26.09.1994	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Xuất sắc									Không dự thi
19	3061	Trần Hồng Quân	20/07/1995		NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá									Không dự thi
20	3063	Trần Thị Thùy Trang		06/01/1995	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Giỏi									Không dự thi
21	3064	Mai Thị Thành Vinh		04/04/1993	NHNN Quảng Bình	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá									Không dự thi
III NHNN Chi nhánh Quảng Nam (01 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu CV Kế toán Kiểm toán)																	
1	3074	PhạmThị Thảo Trang		09/11/1992	NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Ngân hàng TP HCM	Giỏi		51	59	84	68	90	0	253	Dự kiến trúng tuyển
2	3072	Trần Thanh Tuấn	29/08/1989		NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		36,5	61	64	80	86,5	0	222,5	
3	3071	Nguyễn Thị Mai Phương		27/06/1994	NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		43,5	43	80	72	98	0	209,5	
4	3068	Phan Thị Lệ Khuyên		03/03/1989	NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		31	50	68	68	82	0	199	
5	3066	Bùi Đức Hoàng Anh	05/11/1989		NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH QT Hồng Bàng TP HCM	Khá									Không dự thi
6	3067	Nguyễn Quỳnh Châu		25/09/1991	NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Công nghiệp TPHCM	Khá									Không dự thi
7	3069	Mai Thị Liên		16/02/1987	NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
8	3070	Võ Anh Mỹ	28/08/1990		NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Ngân hàng TP HCM	Khá	x								Không dự thi
9	3073	Bùi Thị Thương		28/10/1993	NHNN Quảng Nam	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TP HCM	Giỏi									Không dự thi
1	3075	Ngô Thục Đan		01/09/1992	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Duy Tân	Giỏi		67	68,5	56	72	86	0	260	Dự kiến trúng tuyển
2	3078	Nguyễn Thị Mỹ		10/11/1990	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Quảng Nam	Giỏi	x	60	63	60	68	88	0	246	

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
3	3081	Đỗ Thị Ngân		23/07/1994	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		50	54	52	80	94	0	210	
4	3086	Nguyễn Thị Thanh Thúy		18/04/1982	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá	x	34	49	72	76	85	0	204	
5	3077	Nguyễn Thị Bích Liều		04/01/1989	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Quy Nhơn	Giỏi	x	42	51	52	72	Miễn	0	196	
6	3083	Dương Nguyễn Ý Nhân		10/03/1989	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		50	32	76	68	90	0	190	
7	3079	Bùi Thị Mỹ Ninh		29/09/1995	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi		38	45	60	80	89	0	188	
8	3084	Nguyễn Thị Tuyến		25/08/1993	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi		34	46	60	84	84	0	186	
9	3076	Trần Thanh Hào	03/11/1987		NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		45	49	36	80	72	0	179	
10	3080	Huỳnh Thị Nga		12/03/1983	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
11	3082	Lê Thị Xuân Nguyễn		11/09/1991	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Duy Tân	Khá									
12	3085	Nguyễn Thị Thu Thảo		20/10/1995	NHNN Quảng Nam	CV Kế toán - Kiểm toán	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi									
IV NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi (03 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	3097	Lê Thị Minh Trâm		17/09/1992	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	Giỏi		51	54	64	76	84	0	223	Dự kiến trúng tuyển
2	3102	Trần Thị Ngọc Yến		22/03/1993	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - Luật TPHCM	Khá		50	51	68	72	92	0	220	Dự kiến trúng tuyển
3	3099	Hà Lê Phương Vũ		18/01/1989	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Quy Nhơn	Khá		43	66	72	80	94	0	247	
4	3095	Phạm Thuỳ Tân		17/05/1992	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Ngân hàng TPHCM	Khá		39	55	72	76	92	0	221	
5	3089	Nguyễn Thọ Chức	13/09/1985		NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	Viện ĐH Mở Hà Nội	Khá		54	42	76	76	95,5	0	214	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
6	3092	Bùi Nguyễn Duy Liên	23/02/1992		NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		33	58	64	84	89	0	213	
7	3091	Vũ Nữ Lê Huyền		07/05/1993	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Tài chính - Kế toán	Khá		35	40	72	60	75	20	207	
8	3090	Hoàng Thị Mỹ Hiền		09/01/1995	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TPHCM	Khá		35	35	64	80	90	0	169	
9	3094	Võ Thị Phương Nga		09/10/1993	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TPHCM	Khá		33	14	68	80	94	20	149	
10	3098	Nguyễn Thuý Trình		12/03/1992	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Lạc Hồng	Khá		29	26	56	80	50	0	137	
11	3087	Lê Vũ Diễm Chi		02/12/1991	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Quy Nhơn	Giỏi		25	0	0	0	0	0	25	
12	3088	Phạm Thị Diễm Chi		16/11/1988	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - Luật TPHCM	Khá									Không dự thi
13	3093	Lê Thị Ái Mỹ		25/11/1991	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TPHCM	Giỏi	x								Không dự thi
14	3096	Huỳnh Nữ Hiền Trang		06/03/1992	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Tài chính - Kế toán	Khá									Không dự thi
15	3100	Nguyễn Trường Vũ	20/02/1989		NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Tài chính - Kế toán	Khá									Không dự thi
16	3101	Nguyễn Thị Thuý Vy		08/07/1994	NHNN Quảng Ngãi	CV nghiệp vụ	ĐH Quy Nhơn	Khá									Không dự thi
V NHNN Chi nhánh Quảng Trị (03 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	3133	Cáp Thị Phương Thảo		31/03/1994	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Giỏi		57	74	84	92	94	0	289	Dự kiến trúng tuyển
2	3129	Trần Nữ Như Quyên		26/12/1989	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Khá		50	71	88	92	96	0	280	Dự kiến trúng tuyển
3	3117	Trần Hữu Nhân	13/02/1991		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		62	71	60	88	52	0	264	Dự kiến trúng tuyển
4	3111	Nguyễn Thị Diệu Huyền		08/08/1978	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà nẵng	Khá		61	57	56	72	92	20	251	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+$ $(13)+(16)$	
5	3136	Bùi Văn Thuần	20/06/1991		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		50	62	68	72	88	0	242	
6	3116	Nguyễn Thảo Nguyễn		14/07/1995	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Tài chính - Kế toán	Khá		60	54	72	68	88	0	240	
7	3128	Trần Thị Thực Quyên		19/09/1991	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá		60	55	68	88	100	0	238	
8	3137	Hồ Thị Huyền Trang		21/09/1988	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		54	55	68	68	98	0	232	
9	3112	Thái Lê Phương Liên		01/05/1991	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế - tài chính TPHCM	Giỏi		73	46	80	72	88	0	245	
10	3115	Lê Hà My		10/02/1986	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	Khá		42	59	68	84	88	0	228	
11	3106	Võ Thị Hải Hiền		12/10/1994	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Khá		57	48	68	72	86	0	221	
12	3121	Trần Thị Hoàng Oanh		25/02/1992	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà nẵng	Khá	x	56	41	72	80	94	0	210	
13	3107	Mai Minh Hiền		14/09/1987	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá		30	53	68	68	92	0	204	
14	3114	Nguyễn Thanh Mai		11/03/1993	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - Luật	Khá		64	35	64	84	98	0	198	
15	3130	Ngô Thị Minh Tâm		03/11/1995	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá		53	37	68	84	94	0	195	
16	3125	Nguyễn Thị Lan Phương		20/01/1992	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá		37	45	64	88	96	0	191	
17	3138	Cao Thị Hồng Vân		20/01/1990	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Đại Nam	Giỏi		44	39	64	72	96	0	186	
18	3113	Hồ Thị Khánh Ly		01/10/1993	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH tài chính - Marketing	Giỏi		0	48	80	76	98	0	176	
19	3122	Trương Phú	03/06/1991		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Lạc Hồng	Khá	x	64	23	60	68	87	0	170	
20	3109	Đặng Bảo Hoàng	11/10/1993		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		26	40	60	72	88	0	166	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
21	3132	Lê Thị Cát Tường		04/01/1986	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại Thương	Khá		11	38	60	80	Miễn	0	147	
22	3135	Trương Ngọc Bảo Thi		29/06/1995	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Khá		26	33	48	64	64	0	140	
23	3118	Nguyễn Hạnh Nhân		08/12/1994	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Khá		25	26	48	76	96	0	125	
24	3108	Nguyễn Lê Nhật Hiền	11/10/1993		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Khá		10	32	44	60	96	0	118	
25	3124	Nguyễn Hoài Phương		11/02/1995	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Khá		26	10	52	80	84	0	98	
26	3134	Hoàng Xuân Thắng	27/08/1988		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Hồng Đức	Khá		31,5	0	48	Miễn	78	0	79,5	
27	3103	Nguyễn Sỹ Tuấn Anh	19/08/1993		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Giỏi									Không dự thi
28	3104	Nguyễn Thị Hải Châu		12/09/1993	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà nẵng	Giỏi									Không dự thi
29	3105	Nguyễn Thị Ngọc Hà		22/05/1991	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH tài chính - Marketing	Khá									Không dự thi
30	3110	Nguyễn Thị Hồng		01/09/1994	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Giỏi									Không dự thi
31	3119	Châu Ngọc Linh Nhi		22/08/1995	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	Khá									Không dự thi
32	3120	Hoàng Thị Bạch Như		14/09/1995	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà nẵng	Khá									Không dự thi
33	3123	Hà Thị Thảo Phương		25/09/1995	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	Học viện ngân hàng	Khá									Không dự thi
34	3126	Bùi Thái Phương		04/03/1993	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Khá									Không dự thi
35	3127	Nguyễn Hoàng Quý	23/10/1994		NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá									Không dự thi
36	3131	Lê Thị Hà Tiên		14/11/1992	NHNN Quảng Trị	CV nghiệp vụ	ĐH dân lập Phú Xuân	Khá									Không dự thi

TH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
VI NHNN Chi nhánh Thừa Thiên Huế (03 chỉ tiêu chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	3155	Nguyễn Thị Hồng Liên		06/06/1992	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		71	75	64	64	88	0	285	Dự kiến trúng tuyển
2	3162	Võ Nguyễn Nam Phương		16/08/1995	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		68	62	84	76	92	0	276	Dự kiến trúng tuyển
3	3150	Cao Hữu Hải	02/11/1990		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		55,5	61	92	64	88	0	269,5	Dự kiến trúng tuyển
4	3153	Đỗ Quỳnh Hương		13/02/1987	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Giỏi	x	75	66	60	76	94	0	267	
5	3149	Tổng Văn Giang		23/04/1994	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		55	67	72	72	92	0	261	
6	3172	Lê Thị Thùy Trang		03/03/1992	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		54	64	76	76	96	0	258	
7	3174	Hoàng Thị Diệu Trâm		09/12/1986	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Khá	x	64	56	80	72	96	0	256	
8	3171	Lê Thị Thùy Trang		07/02/1992	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		65	55	80	64	94	0	255	
9	3164	Nguyễn Lê Thủy Tiên		03/11/1995	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		64	64	52	72	93	0	244	
10	3176	Lê Văn Minh Triễn	15/01/1991		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi		52	62	64	80	92	0	240	
11	3144	Đinh Ngọc Duy	06/07/1992		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Giỏi		50	59	64	80	80	0	232	
12	3178	Nguyễn Thị Tường Vy		21/11/1986	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Giỏi		57,5	53	52	76	86	0	215,5	
13	3158	Trương Thị Nhật My		17/05/1995	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Giỏi		60	49	76	80	96	0	234	
14	3142	Lê Ngọc Bảo Châu		26/8/1989	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Dân lập Phú Xuân	Giỏi	x	40	60,5	60	64	72	0	221	
15	3160	Hồ Lê Yến Nhi		12/08/1995	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		41	55	68	72	88	0	219	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+$ $(13)+(16)$	
16	3170	Lê Thị Hương Trà		27/04/1986	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Giỏi	x	50	46	72	68	87	0	214	
17	3161	Hoàng Thị Quỳnh Nhu		10/01/1994	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		50	46	60	76	88	0	202	
18	3152	Châu Thanh Hằng		15/10/1995	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		50	39	72	76	92	0	200	
19	3143	Bùi Văn Danh	03/07/1993		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá		29	43	80	84	96	0	195	
20	3175	Huỳnh Ngọc Trân	24/8/1992		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		37	45	68	72	88	0	195	
21	3165	Lê Trung Tiến	09/09/1988		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Dân lập Phú Xuân	Khá	x	42	47	52	56	63	0	188	
22	3156	Hoàng Thanh Long	25/06/1991		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Duy Tân	Khá		39	43	60	76	79	0	185	
23	3167	Dương Thị Minh Thảo		22/01/1992	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Dân lập Phú Xuân	Giỏi		51	39	56	68	84	0	185	
24	3163	Trần Thị Như Quỳnh		07/10/1991	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Dân lập Phú Xuân	Giỏi		29	41	72	60	82	0	183	
25	3154	Trần Quang Khoa	09/06/1994		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		50	29	60	72	Miễn	0	168	
26	3139	Lê Thị Quỳnh Anh		05/12/1993	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		38	25	76	60	96	0	164	
27	3140	Mai Khắc Bá	02/08/1994		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		34	29	48	80	Miễn	0	140	
28	3141	Dương Ngô Thái Bình	30/10/1993		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá		0	Bỏ thi	80	76	Bỏ thi			
29	3145	Nguyễn Thị Thùy Dương		25/8/1984	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá	x								Không dự thi
30	3146	Trương Hữu Đạt	05/03/1992		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Ngoại thương	Khá									Không dự thi
31	3147	Mai Thị Nhân Đức		18/3/1987	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Giỏi	x								Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi (CN)	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm Ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11)+ (13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
32	3148	Ngô Thị Ngân Giang		13/02/1993	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Công nghiệp Thực Lập - Huế	Giỏi									Không dự thi
33	3151	Phan Quốc Hải	12/01/1990		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá	x								Không dự thi
34	3157	Đặng Nữ Hà Ly		02/04/1985	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Giỏi	x								Không dự thi
35	3159	Đoàn Minh Ngọc	11/02/1990		NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Huế	Khá									Không dự thi
36	3166	Nguyễn Lê Minh Tuyền		25/06/1991	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Dân lập Phú Xuân	Giỏi	x								Không dự thi
37	3168	Nguyễn Thị Thanh Thủy		14/10/1988	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Khá									Không dự thi
38	3169	Nguyễn Trần Anh Thư		23/09/1987	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế Quốc dân	Giỏi									Không dự thi
39	3173	Nguyễn Như Bảo Trâm		12/11/1991	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH kinh tế Huế	Giỏi									Không dự thi
40	3177	Phan Tường Vân		08/02/1988	NHNN Thừa Thiên - Huế	CV nghiệp vụ	ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc dân - Huế	Khá									Không dự thi

th